

2024 - 2025

PRICE LIST



Cầu dao điện MCCB (APTOMAT) loại khối 2 Pha			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
ABN52c	15-20-30-40-50A	30	830,000
ABN62c	60A	30	920,000
ABN102c	15-20-30-40-50-60-75-100A	35	1,090,000
ABN202c	125-150-175-200-225-250A	65	2,010,000
ABN402c	250-300-350-400A	50	4,900,000
ABS32c	5-10-15-20-30A	25	790,000
ABS52c	15-20-30-40-50A	35	880,000
ABS102c	40-50-60-75-100-125A	85	1,450,000
ABS202c	125-150-175-200-225-250A	85	2,250,000
BS32c (không vỏ)	6-10-15-20-30A	1.5	96,000
BS32c w/c (có vỏ)	6-10-15-20-30A	1.5	138,000
Cầu dao điện MCCB (APTOMAT) loại khối 3 Pha			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
ABN53c	15-20-30-40-50A	18	950,000
ABN63c	60A	18	1,090,000
ABN103c	15,20,30,40,50,60,75,100A	22	1,260,000
ABN203c	100,125,150,175,200,225,250A	30	2,400,000
ABN403c	250-300-350-400A	42	5,980,000
ABN803c	500-630A	45	11,450,000
ABN803c	700-800A	45	13,000,000
ABS33c	5-10-20-30A	14	930,000
ABS53c	15-20-30-40-50A	22	1,040,000
ABS103c	15,20,30,40,50,60,75,100,125A	42	1,700,000
ABS203c	125,150,175,200,225,250A	42	2,780,000
ABS403c	250-300-350-400A	65	6,400,000
ABS803c	500-630A	75	13,400,000
ABS803c	700-800A	75	14,400,000
ABS1003b	1000A	65	28,000,000
ABS1203b	1200A	65	30,000,000
TS1000N 3P	1000A	50	43,000,000
TS1250N 3P	1250A	50	45,000,000
TS1600N 3P	1600A	50	54,000,000
TS1000H 3P	1000A	70	45,000,000
TS1250H 3P	1250A	70	48,000,000
TS1600H 3P	1600A	70	57,000,000
TS1000L 3P	1000A	150	63,000,000

Cầu dao điện MCCB (APTOMAT) loại khối 4 Pha			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
ABN54c	15-20-30-40-50A	18	1,250,000
ABN104c	15,20,30,40,50,60,75,100A	22	1,530,000
ABN204c	125,150,175,200,225,250A	30	2,880,000
ABN404c	250-300-350-400A	42	6,880,000
ABN804c	500-630A	45	12,880,000
ABN804c	700-800A	45	15,100,000
ABS54c	15-20-30-40-50A	22	1,300,000
ABS104c	20,30,40,50,60,75,100,125A	42	1,970,000
ABS204c	150,175,200,225,250A	42	3,270,000
ABS404c	250-300-350-400A	65	7,900,000
ABS804c	500-630A	75	16,600,000
ABS804c	700-800A	75	18,800,000
ABS1004b	1000A	65	32,200,000
ABS1204b	1200A	65	35,200,000
TS1000N 4P	1000A	50	52,000,000
TS1250N 4P	1250A	50	55,000,000
TS1600N 4P	1600A	50	66,000,000
TS1000H 4P	1000A	70	56,000,000
TS1250H 4P	1250A	70	64,000,000
TS1600H 4P	1600A	70	80,000,000
Cầu dao điện ELCB 2 pha loại chống rò điện			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
32GRc	15-20-30A	1.5	380,000
32GRhS	15-20-30A	2.5	380,000
32KGRd	15-20-30A	2.5	380,000
EBS52Fb	40-50A	5	640,000
EBE102Fb	60-75-100A	5	1,150,000
EBN52c	15-20-30-40-50A	30	1,520,000
EBN102c	60-75-100A	35	2,080,000
Cầu dao điện ELCB 2 pha loại chống rò điện			
EBN53c	15,20,30,40,50A	14	1,900,000
EBN103c	60,75,100A	18	2,500,000
EBN203c	125,150,175,200,225,250A	26	5,500,000
EBN403c	250,300,350,400A	37	9,900,000
EBN803c	500,630A	37	18,800,000
EBN803c	800A	37	24,000,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

MCCB 3 Pha loại khối chỉnh dòng (0.7-0.85-1.0) x in max			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
ABS103c FMU	20,25,32,40,50,63,80,100,125A	37	2,090,000
ABS203c FMU	100,125,160,200,250A	37	3,200,000
MCCB 4 Pha loại khối chỉnh dòng (0.7-0.85-1.0) x in max			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
ABS104c FMU	20,25,32,40,50,63,80,100,125A	37	2,450,000
ABS204c FMU	100,125,160,200,250A	37	4,000,000
PHỤ KIỆN CẦU DAO ĐIỆN (MCCB)			
Cuộn đóng ngắt Shunt Trip (SHT)	SHT for ABN100c~ABH250c	770,000	
	SHT for ABN403c~803c	930,000	
	SHT for ABS1003b~1204b	1,600,000	
	SHT for TS1000~1600	1,320,000	
Cuộn bảo vệ thấp áp Under Vol. Trip (UVT)	UVT for ABN100c~ABH250c	960,000	
	UVT for ABN403c~803c	1,150,000	
	UVT for ABS1003b~1204b	1,500,000	
	UVT for TS1000~1600	1,600,000	
Tiếp điểm phụ Auxiliary switch (AX)	AX for ABN100c~ABH250c	300,000	
	AX for ABN403c~803c	450,000	
	AX for ABS1003b~1204b	480,000	
	AX for TS1000~1600	396,000	
Tiếp điểm cảnh báo Alarm switch (AL)	AL for ABN100c~ABH250c	300,000	
	AL for ABN403c~803c	450,000	
	AL for ABS1003b~1204b	480,000	
	AL for TS1000~1600	396,000	
AL và AX	AL/AX for ABN100c~ABH250c	640,000	
Tấm chắn pha: Insulation barrier	IB-13 for ABN52~103c	9,000	
	IB-23 for ABS103c~ABN/S203c	18,000	
	B-43B for ABN/S403c	32,000	
	Barrier insulation for ABS803c/TS630	35,000	
	Barrier insulation for ABS1200b	38,000	

Cầu dao điện ELCB 4 cực loại khối chống rò điện			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
EBN104c	15,20,30,40,50,60,75,100A	18	3,400,000
EBS104c	15,20,30,40,50,60,75,100,125A	37	3,940,000
EBS204c	125,150,175,200,225,250A	37	7,900,000
EBN404c	250,300,350,400A	37	13,900,000
PHỤ KIỆN CẦU DAO ĐIỆN (MCCB)			
Tay xoay Handle (DH loại gắn trực tiếp)	DH100-S for ABN103c	560,000	
	DH125-S for ABS125c	580,000	
	DH250-S for ABH250c	590,000	
	N~70S for ABN403c	1,200,000	
	N~80S for ABN803c	1,200,000	
(EH loại gắn ngoài)	EH100-S for ABN103c	830,000	
	EH125-S for ABS125c	830,000	
	EH250-S for ABN250c	860,000	
	E-70U for ABN403c	1,850,000	
	E-80U for ABN803c	2,100,000	
Mô tơ điều khiển On/ Off cho MCCB Motor operator (MOP)	MOP M1 for ABN52c~104c	5,200,000	
	MOP M2 for ABS/H103c~104c	5,700,000	
	MOP M3 for ABN/S/H202c~204c	7,100,000	
	MOP M4 for ABN/S/H402c~404c	8,700,000	
	MOP M5 for ABN/S/H802c~804c	10,400,000	
	MOP M6 for ABS1003b~1204b	12,500,000	
Khóa liên động (Mechanical interlock)	MI-13S for ABN53~103c	820,000	
	MI-23S for ABS103c	840,000	
	MI-33S for ABN/S203c	860,000	
	MI-43S for ABN/S403c	1,200,000	
	MI-83S for ABN/S803c	1,400,000	
Thanh cái	Busbar for ABN/S803c	2,500,000	

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Cầu dao điện loại tép MCB (gắn trên thanh ray)			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
BKJ63N 1P	6-10-16-20-25-32A	6KA	96,000
BKJ63N 1P	40-50-63A	6KA	102,000
BKJ63N 2P	6-10-16-20-25-32A	6KA	212,000
BKJ63N 2P	40-50-63A	6KA	218,000
BKJ63N 3P	6-10-16-20-25-32A	6KA	338,000
BKJ63N 3P	40-50-63A	6KA	344,000
BKJ63N 4P	6-10-16-20-25-32A	6KA	490,000
BKJ63N 4P	40-50-63A	6KA	560,000
BKN-b 1P	6-10-16-20-25-32A	10KA	138,000
BKN-b 1P	40-50-63A	10KA	160,000
BKN-b 2P	6-10-16-20-25-32A	10KA	300,000
BKN-b 2P	40-50-63A	10KA	338,000
BKN-b 3P	6-10-16-20-25-32A	10KA	480,000
BKN-b 3P	40-50-63A	10KA	580,000
BKN-b 4P	6-10-16-20-25-32A	10KA	710,000
BKN-b 4P	40-50-63A	10KA	830,000
BKH 1P	80-100A	10KA	270,000
BKH 1P	125A	10KA	500,000
BKH 2P	80-100A	10KA	574,000
BKH 2P	125A	10KA	650,000
BKH 3P	80-100A	10KA	910,000
BKH 3P	125A	10KA	1,010,000
BKH 4P	80-100A	10KA	1,180,000
BKH 4P	125A	10KA	1,550,000

Thiết bị chống sét (Surge Protective Device)			
Tên hàng	Rate voltage-KV-KA	Pole	Giá bán
SPL2-80S	220VAC-3.0KV-80KA	2W+G	8,300,000
SPY2-40S	380/220VAC-2.5KV-40KA	4W+G	8,300,000
SPY2-80S	380/220VAC-3.0KV-80KA	4W+G	11,500,000
SPY1-120S	380/220VAC-2.0KV-120KA	4W+G	14,100,000
SPY1-160S	380/220VAC-2.0KV-160KA	4W+G	19,100,000
SPY1-200S	380/220-2.0KV-200KA	4W+G	19,800,000
SPT2-40S	220VAC-2.5KV-40KA	3W+G	9,000,000
SPT2-40S	380VAC-2.5KV-40KA	3W+G	9,000,000
SPT2-80S	380VAC-3.0KV-80KA	3W+G	12,900,000
SPT1-120S	380VAC-2.0KV-120KA	3W+G	14,700,000
SPT1-160S	380VAC-2.0KV-160KA	3W+G	18,700,000
SPT2-80S	440VAC-3.0KV-80KA	3W+G	12,900,000
SPT1-120S	440VAC-2.0KV-120KA	3W+G	14,700,000
SPT1-160S	440VAC-2.0KV-160KA	3W+G	18,700,000

Cầu dao điện loại tép bảo vệ quá tải và chống rò rỉ điện RCBO			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
RKP 1P+N	3-6-10-16-20-25-32A	4.5	490,000
RKC 1P+N	6-10-16-20-25A	6	900,000
RKC 1P+N	32A	4.5	900,000
RKS 1P+N	6-10-16-20-25-32A	10	1,050,000

Cầu dao điện loại tép chống rò rỉ điện RCCB (gắn thanh ray)			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
RKN 1P+N	25-32-40A	6KA	740,000
RKN 1P+N	63A	6KA	760,000
RKN 3P+N	25-32-40A	6KA	1,050,000
RKN 3P+N	63A	6KA	1,150,000
RKN-b 1P+N	25-32-40A	10KA	910,000
RKN-b 1P+N	63A	10KA	980,000
RKN-b 1P+N	80~100A	10KA	1,150,000
RKN-b 3P+N	25-32-40A	10KA	1,300,000
RKN-b 3P+N	63A	10KA	1,500,000
RKN-b 3P+N	80~100A	10KA	1,750,000

Thiết bị chống sét (Surge Protective Device)			
Tên hàng	Uc [V] L/N-PE	Icu (KA)	Giá bán
BK05S-T3 2P	385V	10KV	1,450,000
BK05S-T3 4P	385V	10KV	2,850,000
BK10S-T2 2P	385V	20KA	1,600,000
BK10S-T2 3P	385V	20KA	1,850,000
BK10S-T2 4P	385V	20KA	3,200,000
BK20S-T2 2P	385V	40KA	1,800,000
BK20S-T2 3P	385V	40KA	2,100,000
BK20S-T2 4P	385V	40KA	4,400,000
BK30S-T2 2P	385V	60KA	2,100,000
BK30S-T2 3P	385V	60KA	2,600,000
BK30S-T2 4P	385V	60KA	4,700,000
BK40S-T2 1P	385V	80KA	1,900,000
BK40S-T2 2P	385V	80KA	2,300,000
BK40S-T2 3P	385V	80KA	3,700,000
BK40S-T2 4P	385V	80KA	5,600,000

PHỤ KIỆN MCB	
Tên hàng	Giá bán
Auxiliary switch: AX for BKN-b/ BKJ63N	250,000
Alarm switch: AL for BKN-b/ BKJ63N	250,000
Shunt for BKN-b/ BKJ63N	440,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

KHỞI ĐỘNG TỪ 3 PHA (CONTACTOR 3 POLES) - AC Coil		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
MC-6a ⁽¹⁾	6A (1a)	340,000
MC-9a ⁽¹⁾	9A (1a)	360,000
MC-12a ⁽¹⁾	12A (1a)	380,000
MC-18a ⁽¹⁾	18A (1a)	570,000
MC-9b ⁽²⁾	9A (1a1b)	380,000
MC-12b ⁽²⁾	12A (1a1b)	430,000
MC-18b ⁽²⁾	18A (1a1b)	610,000
MC-22b ⁽²⁾	22A (1a1b)	750,000
MC-32a ⁽²⁾	32A (2a2b)	1,080,000
MC-40a ⁽²⁾	40A (2a2b)	1,290,000
MC-50a ⁽³⁾	50A (2a2b)	1,700,000
MC-65a ⁽³⁾	65A (2a2b)	1,900,000
MC-75a ⁽⁴⁾	75A (2a2b)	2,150,000
MC-85a ⁽⁴⁾	85A (2a2b)	2,600,000
MC-100a ⁽⁴⁾	100A (2a2b)	3,380,000
MC-130a ⁽⁵⁾	130A (2a2b)	4,100,000
MC-150a ⁽⁵⁾	150A (2a2b)	5,250,000
MC-185a ⁽⁶⁾	185A (2a2b)	6,500,000
MC-225a ⁽⁶⁾	225A (2a2b)	7,800,000
MC-265a ⁽⁷⁾	265A (2a2b)	10,500,000
MC-330a ⁽⁷⁾	330A (2a2b)	11,500,000
MC-400a ⁽⁷⁾	400A (2a2b)	13,400,000
MC-500a ⁽⁸⁾	500A (2a2b)	26,300,000
MC-630a ⁽⁸⁾	630A (2a2b)	27,500,000
MC-800a ⁽⁸⁾	800A (2a2b)	35,400,000

CONTACTOR RALAYS		
MR-4 (2NO+2NC)	4 Poles AC	520,000
MR-6 (3NO+3NC)	6 Poles AC	620,000
MR-8 (4NO+4NC)	8 Poles AC	700,000
MR-4 (2NO+2NC)	4 Poles DC	580,000
MR-6 (3NO+3NC)	6 Poles DC	680,000
MR-8 (4NO+4NC)	8 Poles DC	790,000

TIẾP ĐIỂM PHỤ		
UA-1 (bên hông)	1NO+1NC dùng cho MC-6a~150a	110,000
UA-2 (bên trên)	1NO+1NC dùng cho MC-6a~150a	110,000
UA-4 (bên trên)	2NO+2NC dùng cho MC-6a~150a	180,000
AU-100 (bên hông)	1NO+1NC dùng cho MC-185a~800a	230,000

KHOÁ LIỀN ĐỘNG		
UR-2	MC-6a~150a	230,000
AR-180	MC-185a~400a	800,000
AR-600	MC-500a~800a	11,800,000

Cầu dao điện loại tép bảo vệ quá tải và chống rò rỉ điện RCBO		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
MT-12 ⁽¹⁾	0.63~18A	390,000
MT-32 ⁽²⁾	0.63~19A	430,000
MT-32 ⁽²⁾	21.5~40A	430,000
MT-63 ⁽³⁾	34-50, 45-65A	830,000
MT-95 ⁽⁴⁾	54-75, 63-85, 70-95, 80-100A	1,400,000
MT-150 ⁽⁵⁾	80-105A, 95-130A, 110-150A	2,050,000
MT-225 ⁽⁶⁾	85-125, 100-160, 120-185, 160-240A	3,350,000
MT-400 ⁽⁷⁾	200-330A và 260-400A	4,800,000
MT-800 ⁽⁸⁾	400-630A và 520-800A	8,900,000

RƠ LE ĐIỆN TỬ - Electric motor protection relays		
GMP22-2P (1a1b)	0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A	950,000
GMP22-3P (1a1b)	0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A	1,450,000
GMP40-2P (1a1b)	4~20A, 8~40A	1,050,000
GMP40-3P (1a1b)	4~20A, 8~40A	1,550,000
GMP60-T (1c)	0.5~6A, 3~30A, 5~60A	900,000

(1) MT-12 dùng cho từ MC-6a đến MC-18a gồm các loại từ: 0.63-1A; 1-1.6A; 1.6-2.5A; 2.5-4A; 4-6A; 5-8A; 6-9A; 7-10A; 9-13A; 12-18A;

(2) MT-32 dùng cho MC-9b đến MC-40a gồm các loại từ: 0.63-1A; 1-1.6A; 1.6-2.5A; 2.5-4A; 4-6A; 5-8A; 6-9A; 16-22A; 18-25A; 22-32A; 28-40A;

(3) MT-63 dùng cho từ MC-50a và MC-65a

(4) MT-95 dùng cho từ MC-75a, MC-85a và MC-100a

(5) MT-150a dùng cho MC-130 & MC-150a

(6) MT-225 dùng cho MC-185a và MC-225a

(7) MT-400 dùng cho MC-265a, MC-330a và MC-400a

(8) MT-800 dùng cho MC-500a, MC-630a và MC-800a

* GMP22 dùng cho MC-9b~22b, GMP40 dùng cho MC32a-40a

CUỘN HÚT KHỞI ĐỘNG TỪ	
Coil for MC6a, 9a, 12a, 18a, 9b, 12b, 18b, 22b	210,000
Coil for MC32a, 40a	210,000
Coil for MC-50a, 65a	250,000
Coil for MC-75a, 85a, 100a	320,000
Coil for MC-130a, 150a	1,650,000
Coil for MC-185a, 225a	2,350,000
Coil for MC-330a, 400a	3,950,000
Coil for MC-630a, 800a	5,550,000

TỤ BÙ (CAPACITOR FOR CONTACTOR)		
AC-9	MC-6a~40a	420,000
AC-50	MC-50a~65a	550,000
AC-75	MC-75a~100a	550,000

HỘP CHO KHỞI ĐỘNG TỪ (Encloser)		
MW-9bB~22bB	Steel dùng cho MC-6a~22b	750,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

MCCB loại High-End, Suboi Series Icu từ 50KA-150KA, Isc-100% Icu

Cầu dao điện Susol MCCB (APTOMAT) loại 3 Pha			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
FTU: loại không chỉnh dòng			
TD100N FTU100 3P	16,20,25,32,40,50, 63, 80,100A	50	2,400,000
TD160N FTU160 3P	125A	50	2,850,000
TD160N FTU160 3P	160A	50	3,400,000
TS100N FTU100 3P	40, 50, 63, 80, 100A	50	2,400,000
TS160N FTU160 3P	100, 125A	50	3,300,000
TS160N FTU160 3P	160A	50	3,700,000
TS250N FTU250 3P	125, 160, 200A	50	4,800,000
TS250N FTU250 3P	250A	50	5,700,000
TS400N FTU400 3P	300, 400A	65	8,200,000
TS630N FTU630 3P	500, 630A	65	11,900,000
TS800N FTU800 3P	800A	65	14,800,000
FMU: loại chỉnh dòng (nhiệt) 3 bước 0.8, 0.9, 1.0 x In			
TD100N FMU100 3P	16,20,25,32,40,50, 63, 80,100A	50	2,550,000
TD160N FMU160 3P	125A	50	3,150,000
TD160N FMU160 3P	160A	50	3,550,000
TS100N FMU100 3P	40, 50, 63, 80, 100A	50	2,550,000
TS160N FMU160 3P	100, 125A	50	3,440,000
TS160N FMU160 3P	160A	50	3,880,000
TS250N FMU250 3P	125, 160, 200A	50	5,070,000
TS250N FMU250 3P	250A	50	6,000,000
TS400N FMU400 3P	300, 400A	65	8,900,000
TS630N FMU630 3P	500, 630A	65	13,300,000
TS800N FMU800 3P	800A	65	16,400,000
ATU: loại chỉnh dòng cắt (nhiệt) và dòng ngắn mạch (từ)			
TS160N ATU160 3P	125A	50	3,750,000
TS160N ATU160 3P	160A	50	4,100,000
TS250N ATU250 3P	200A	50	5,200,000
TS250N ATU250 3P	250A	50	6,400,000
TS400N ATU400 3P	400A	65	9,650,000
TS630N ATU630 3P	630A	65	14,000,000
TS800N ATU800 3P	800A	65	18,000,000
PHỤ KIỆN MCCB Susol			
Tên hàng			Giá bán
Shunt release: SHT for TD/TS100->800			760,000
Undervoltage release: UVT for TD/TS100->800			1,200,000
Auxiliary switch: AX for TD/TS100->800			370,000
Alarm switch: AL for TD/TS100->800			370,000
Fault alarm switch: FAL for TD/TS100->800			370,000
Auxiliary switch: AX for TS1000~1600			396,000
Alarm switch: AL for TS1000~1600			396,000
Direct Rotary Handle (tay xoay)			
DH1 for TD100, 160			630,000
DH2 for TS250			680,000
DH3 for TS400, 630			1,250,000
DH4 for TS800			1,750,000
DH5-S TS1000~1600			5,200,000

Cầu dao điện Susol MCCB (APTOMAT) loại 4 Pha			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
FTU: Fixed thermal, fixed magnetic trip units			
TD100N FTU100 4P	16,20,25,32,40,50, 63, 80,100A	50	2,800,000
TD160N FTU160 4P	125A	50	3,500,000
TD160N FTU1604P	160A	50	4,600,000
TS100N FTU100 4P	40, 50, 63, 80, 100A	50	3,300,000
TS160N FTU160 4P	100, 125A	50	4,550,000
TS160N FTU160 4P	160A	50	5,200,000
TS250N FTU250 4P	125, 160, 200A	50	6,400,000
TS250N FTU250 4P	250A	50	7,600,000
TS400N FTU400 4P	300, 400A	65	10,500,000
TS630N FTU630 4P	500, 630A	65	12,800,000
TS800N FTU800 4P	800A	65	19,000,000
FMU: Adjustable thermal: 0.8~1 x In, fixed magnetic			
TD100N FMU100 4P	16,20,25,32,40,50, 63, 80,100A	50	2,950,000
TD160N FMU160 4P	125A	50	4,600,000
TD160N FMU160 4P	160A	50	5,350,000
TS100N FMU100 4P	40, 50, 63, 80, 100A	50	3,600,000
TS160N FMU160 4P	100, 125A	50	4,650,000
TS160N FMU160 4P	160A	50	5,400,000
TS250N FMU250 4P	125, 160, 200A	50	6,840,000
TS250N FMU250 4P	250A	50	8,000,000
TS400N FMU400 4P	300, 400A	65	11,300,000
TS630N FMU630 4P	500, 630A	65	17,000,000
TS800N FMU800 3P	800A	65	21,500,000
ETS: loại chỉnh dòng chip relay điện từ 13 bước từ 0.4 ->1 x In			
TS100N ETS23 3P	80A	50	4,170,000
TS160N ETS23 3P	40, 80, 160A	50	5,160,000
TS250N ETS23 3P	250A	50	7,100,000
TS400N ETS33 3P	400A	65	10,850,000
TS630N ETS33 3P	630A	65	16,600,000
TS800N ETS43 3P	800A	65	19,000,000
Busbar (thanh cái)			
Spreader SP33a for TS400-TS630			1,100,000
Spreader SP43 for TS800			2,100,000
Busbar for 3P TS1000/1250/1600N			11,000,000
Motor operator (mô tơ nạp)			
MOP1 for TD100, 160			5,180,000
MOP2 for TS100, 160, 250			7,000,000
MOP3 for TS400, 630			9,500,000
MOP4 for TS800			11,300,000
Extended Rotary Handle (tay xoay)			
EH1 for TD100, 160			1,100,000
EH2 for TS250			1,120,000
EH3 for TS400, 630			2,450,000
EH4 for TS800			2,460,000
EH5-S TS1000~1600			6,000,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Manual Motor Starter			Rơ le bảo vệ kỹ thuật số (Digital Protection Relay)					
Tên hàng		In (A)	Giá bán		Tên hàng		Thông số	Giá bán
MMS-32S	0.63A (0.4~0.63)A	750,000	Đồng hồ điện đa năng kỹ thuật số (Digital Power MultiMeter)					
MMS-32S	1.0A (0.63~1.0)A	750,000	GIMAC-1000 EX,M485,5A,50Hz,AC/DC100~240V					9,100,000
MMS-32S	1.6A (1.0~1.6)A	750,000	Thiết bị điều khiển và đo lường đa năng kỹ thuật số					
MMS-32S	2.5A (1.6~2.5)A	750,000	(Digital Integrated MultiMetering & Control Device)					
MMS-32S	4A (2.5~4)A	750,000	GIMAC-115P NO,RS,M,5A,50Hz,AC/DC110V					21,400,000
MMS-32S	6A (4~6)A	750,000	RƠ LE ĐIỆN TỬ - Electric motor protection relays					
MMS-32S	8A (5~8)A	750,000	GMP22-2P (1a1b)		0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A		950,000	
MMS-32S	10A (6~10)A	750,000	GMP22-3P (1a1b)		0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A		1,450,000	
MMS-32S	13A (9~13)A	780,000	GMP40-2P (1a1b)		4~20A, 8~40A		1,050,000	
MMS-32S	17A (11~17)A	780,000	GMP40-3P (1a1b)		4~20A, 8~40A		1,550,000	
MMS-32S	22A (14~22)A	780,000	GMP60-T (1c)		0.5~6A, 3~30A, 5~60A		900,000	
MMS-32S	26A (18~26)A	780,000	RƠ LE KỸ THUẬT SỐ- Digital motor protection relay					
MMS-32S	32A (22~32A)	780,000	Tên hàng		Thông số		Giá bán	
MMS-63S	40A (28~40)A	2,000,000	DMP06i-SA 2a1b AC/DC85~260V		0.5~6A		5,200,000	
MMS-63S	50A (34~50)A	2,000,000	DMP06i-TZ 2a1b AC/DC85~260V		0.5~6A		5,400,000	
MMS-63S	63A (45~63)A	2,000,000	DMP06i-TZA 2a1b AC/DC85~260V		0.5~6A		5,800,000	
MMS-100S	75A (55~75)A	3,600,000	DMP65i-S 2a1b AC/DC85~260V		5~65A		4,800,000	
MMS-100S	90A (70~90)	4,000,000	DMP65i-TA 2a1b AC/DC85~260V		5~65A		5,000,000	
			DMP65i-TZ 2a1b AC/DC85~260V		5~65A		5,400,000	
			DMP65i-TZA 2a1b AC/DC85~260V		5~65A		5,800,000	
PHỤ KIỆN MMS			KHỞI ĐỘNG TỬ 4 PHA AC (Metasol)					
Tiếp điểm phụ (gắn bên trên): FX 1NO+1NC		190,000	Tên hàng		Tiếp điểm phụ		In (A)	Giá bán
Tiếp điểm phụ (gắn bên hông): LX 1NO+1NC		220,000	MC-9a/4				9A	500,000
Any Trip Alarm Switch: LA 1NO+1NC		280,000	MC-12a/4				12A	530,000
Magnetic Trip Alarm Switch: LAM 1NO+1NC		300,000	MC-18a/4				18A	720,000
			MC-22a/4				22A	830,000
KHỞI ĐỘNG TỬ 3 PHA loại DC Coil (DC Volt)			MC-32a/4				32A	1,250,000
Tên hàng		In (A)	Giá bán		MC-40a/4		40A 1,350,000	
MC-6a (VDC)	6A (1a)	450,000			MC-50a/4		50A 2,050,000	
MC-9a (VDC)	9A (1a)	500,000			MC-65a/4		65A 2,460,000	
MC-12a (VDC)	12A (1a)	600,000			MC-75a/4		75A 3,150,000	
MC-18a (VDC)	18A (1a)	740,000			MC-85a/4		85A 3,400,000	
MC-9b (VDC)	9A (1a1b)	590,000			MC-100a/4		(2a2b)	100A 6,500,000
MC-12b (VDC)	12A (1a1b)	680,000			MC-130a/4		(2a2b)	130A 7,000,000
MC-18b (VDC)	18A (1a1b)	940,000			MC-150a/4		(2a2b)	150A 8,150,000
MC-22b (VDC)	22A (1a1b)	1,050,000			MC-185a/4		(2a2b)	185A 9,100,000
MC-32a (VDC)	32A (1a1b)	1,260,000			MC-225a/4		(2a2b)	225A 10,300,000
MC-40a (VDC)	40A (1a1b)	1,450,000			MC-265a/4		(2a2b)	265A 16,600,000
MC-50a (VDC)	50A (1a1b)	1,980,000			MC-330a/4		(2a2b)	330A 18,900,000
MC-65a (VDC)	65A (1a1b)	2,460,000			MC-400a/4		(2a2b)	400A 20,900,000
MC-75a (VDC)	75A (1a1b)	3,220,000			MC-500a/4		(2a2b)	500A 32,000,000
MC-85a (VDC)	85A (1a1b)	3,900,000			MC-630a/4		(2a2b)	630A 35,000,000
MC-100a (VDC)	100A (1a1b)	3,960,000			MC-800a/4		(2a2b)	800A 42,000,000
MC-150a (VDC)	150A (1a1b)	5,900,000						

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT